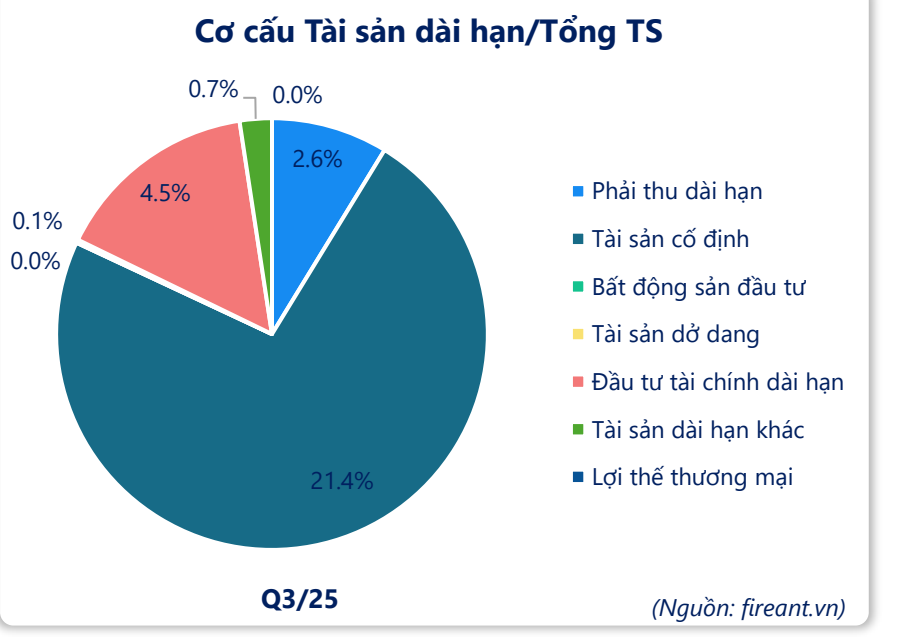
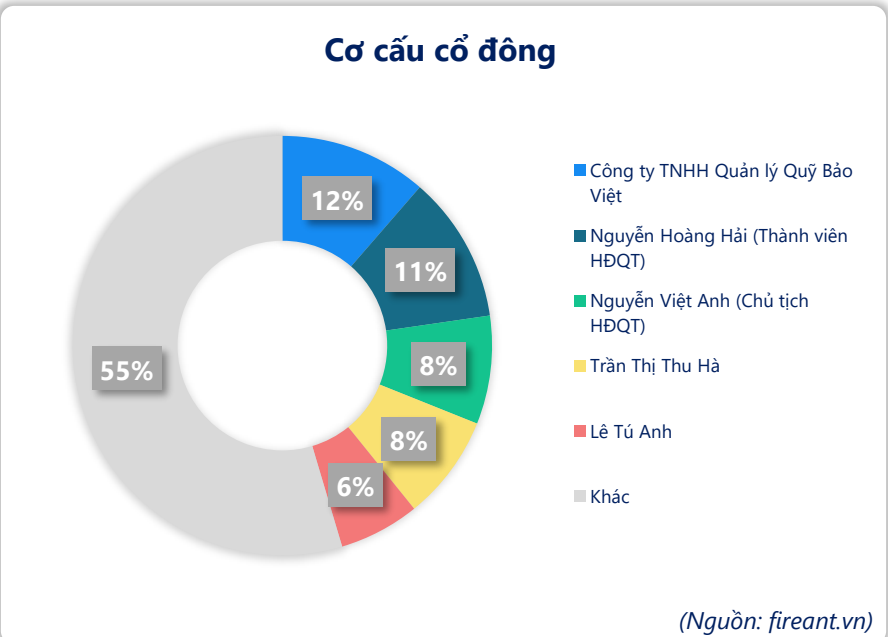
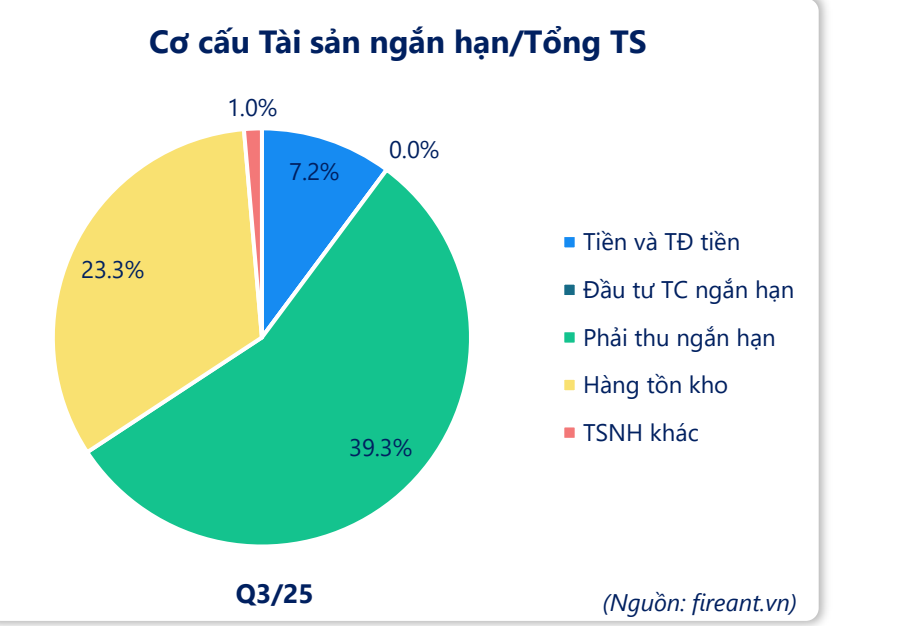
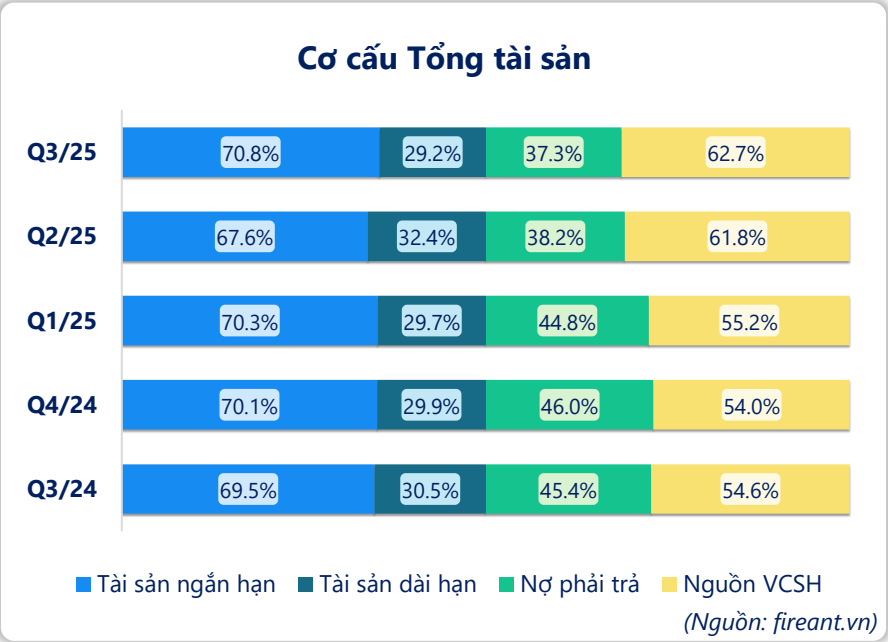
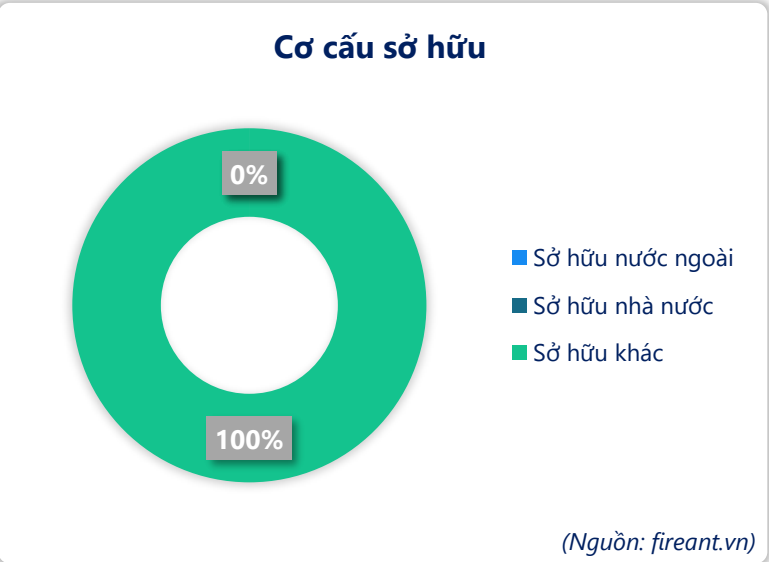
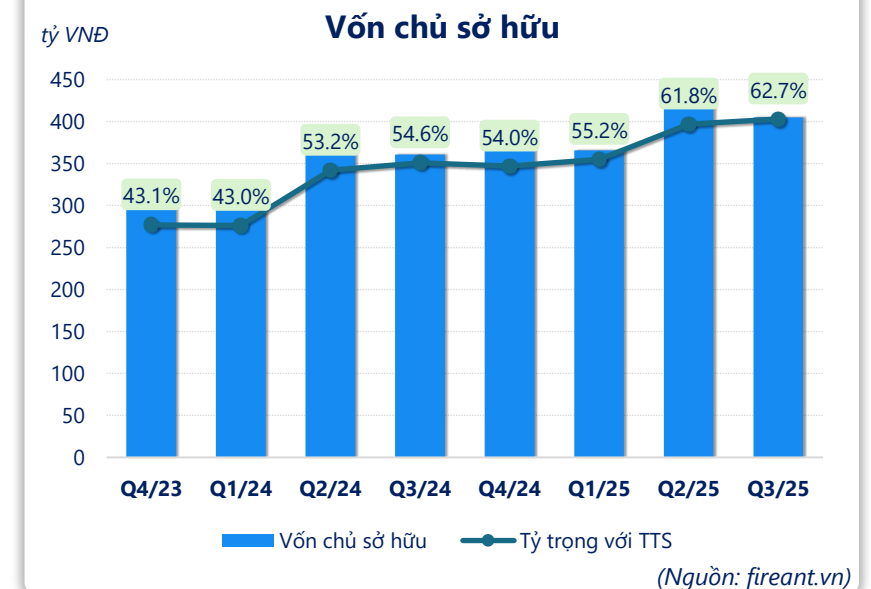
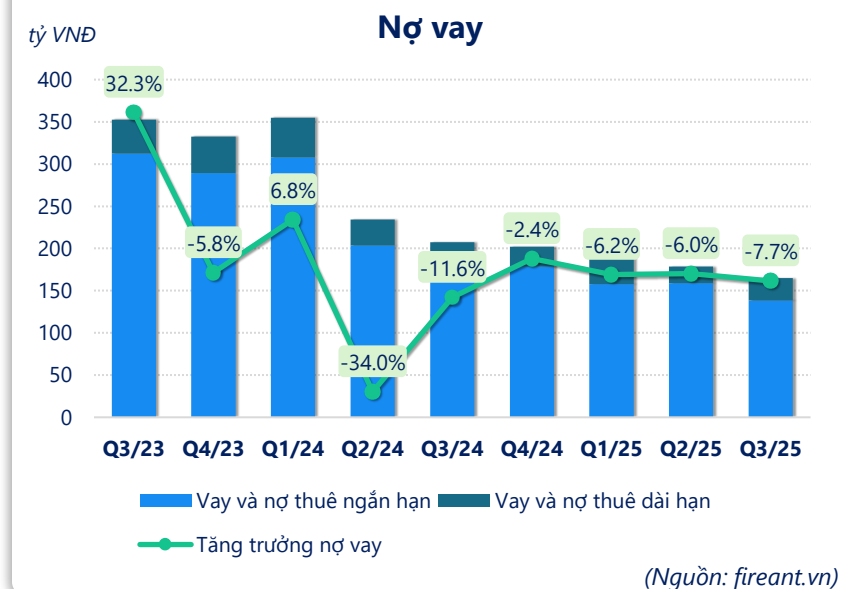
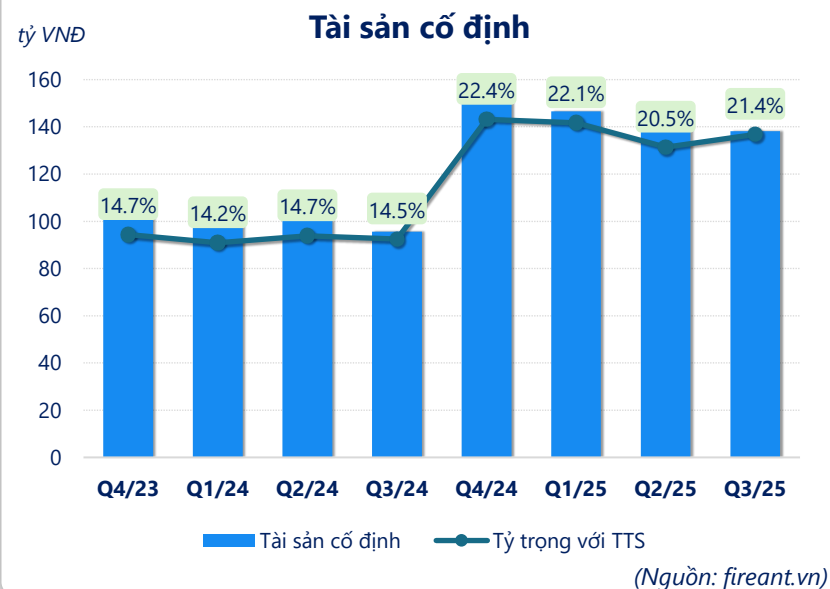
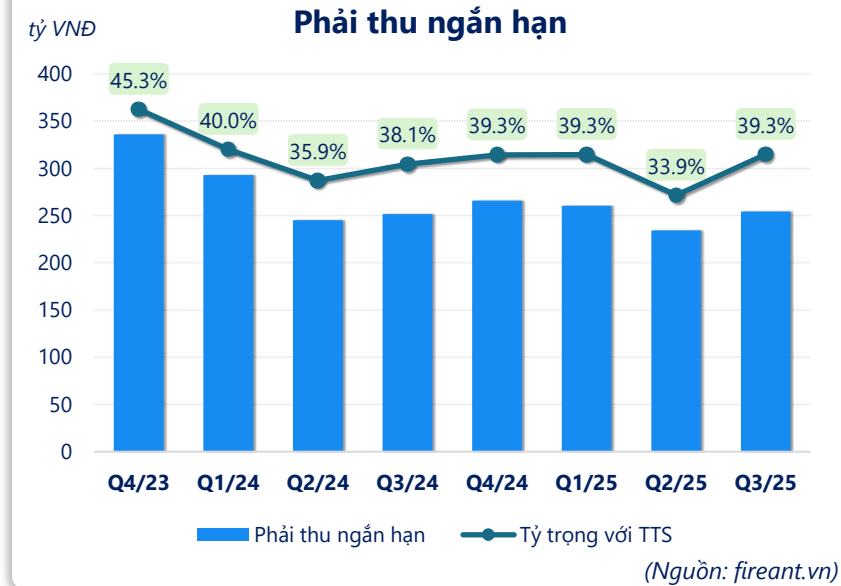
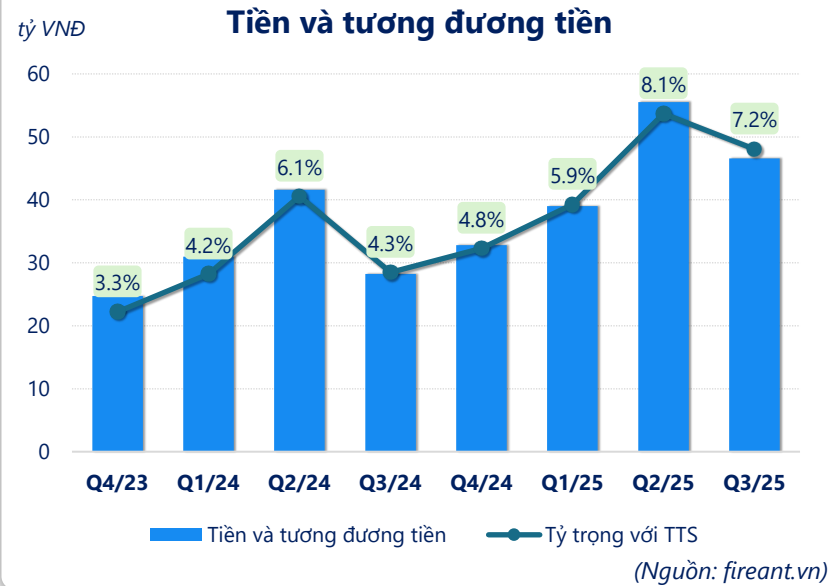
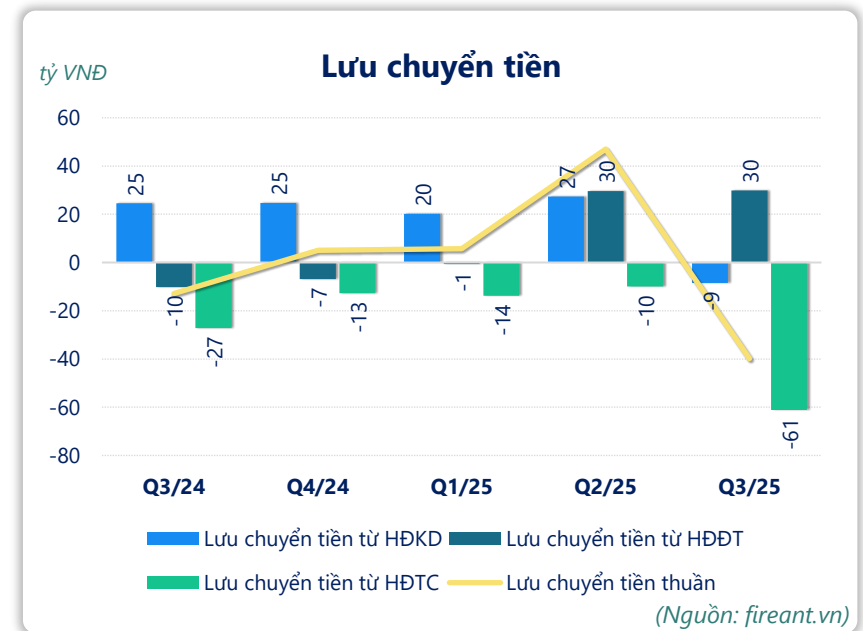
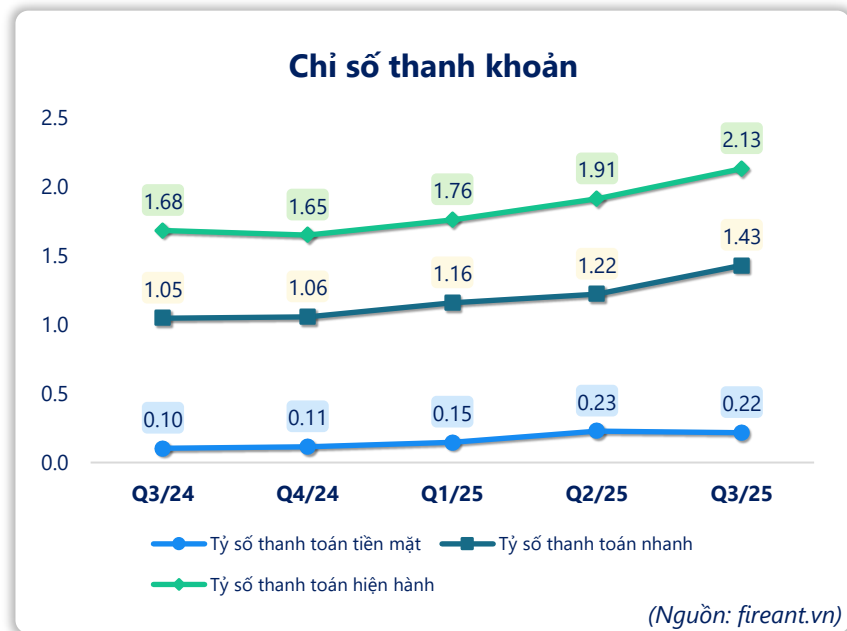
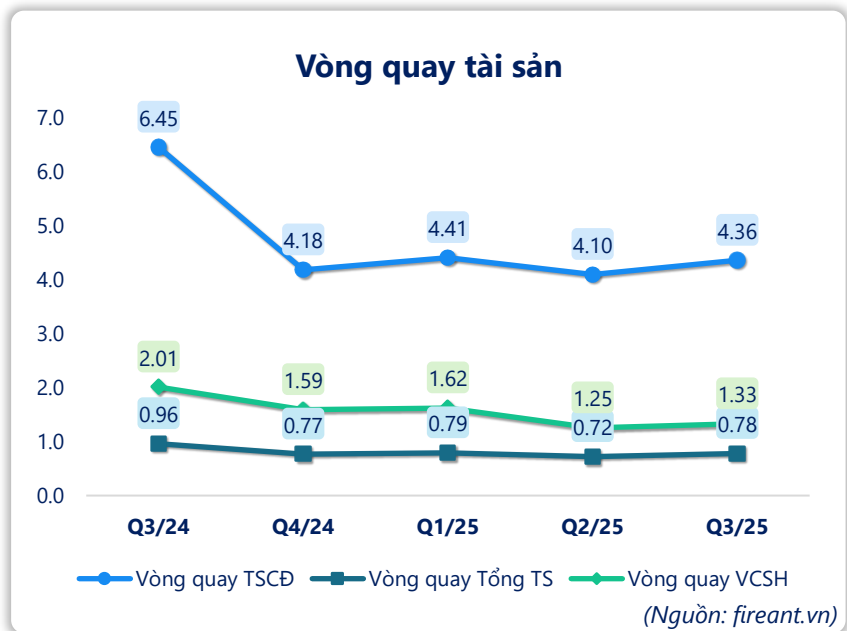
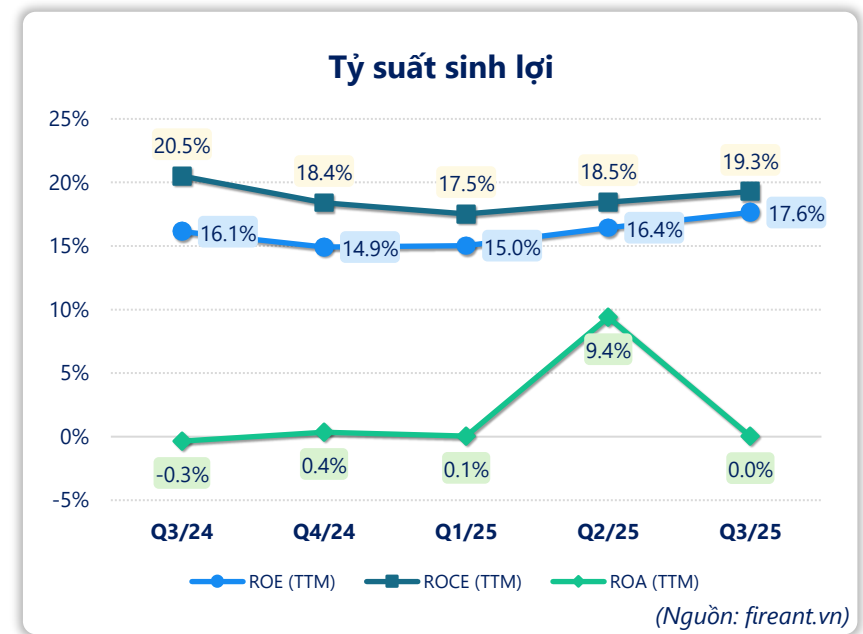
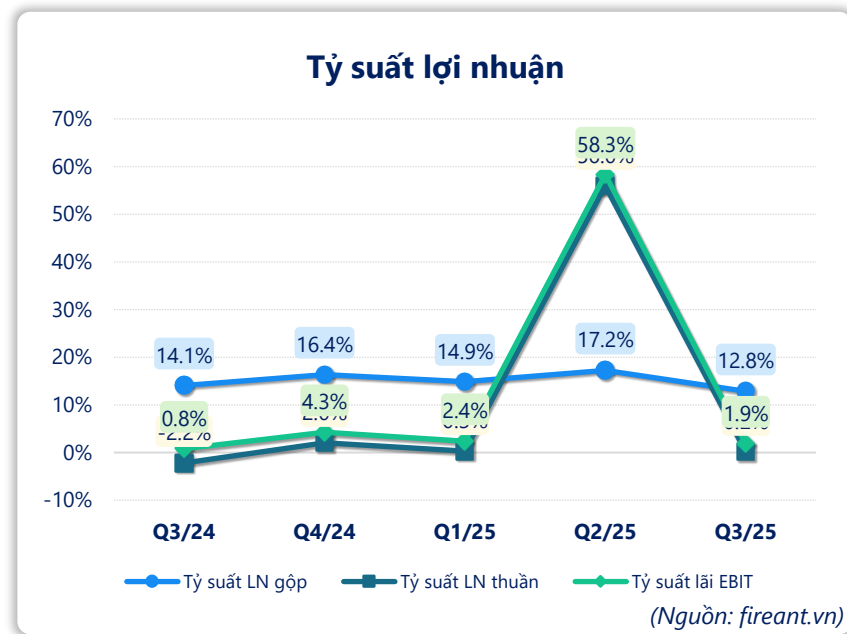
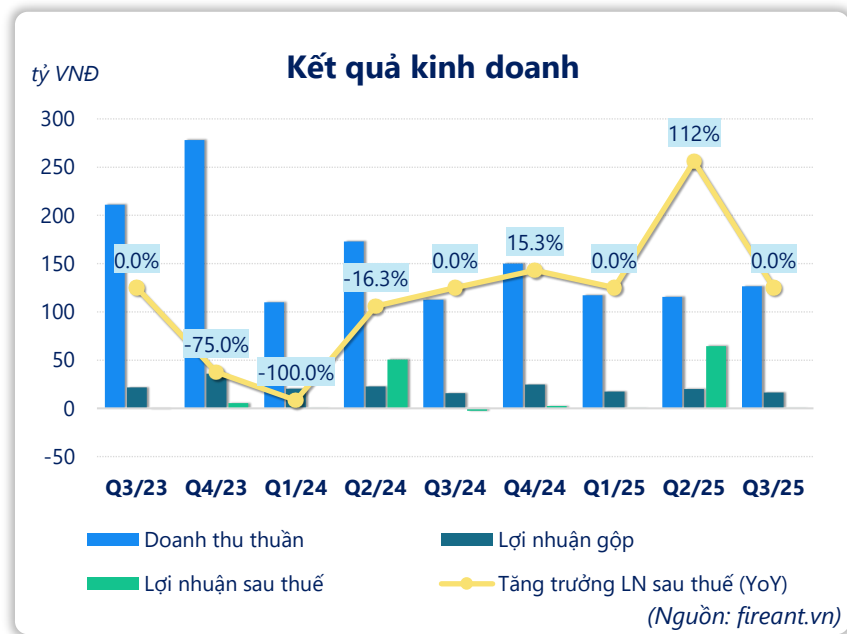


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,105
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,442
SL cổ phiếu LH		21,086,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)		50
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		422
P/E		6.2
EPS		3,203

	YTD	1T	3T	6T
XHC	-19.7%	5.3%	12.9%	-4.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	646	676	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	458	473	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	46.6	32.8	41.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	254	266	-4.4%
Hàng tồn kho	150	169	-10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	6.29	5.87	7.0%
Tài sản dài hạn	189	203	-6.9%
Phải thu dài hạn	16.5	16.5	0.0%
Tài sản cố định	138	152	-8.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.46	0.46	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	29.0	27.3	6.2%
Tài sản dài hạn khác	4.55	6.91	-34.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	241	311	-22.5%
Nợ ngắn hạn	215	280	-23.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	138	172	-19.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.1	72.5	-33.7%
Nợ dài hạn	26.3	30.7	-14.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	26.3	30.7	-14.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	405	365	10.9%
Vốn chủ sở hữu	405	365	10.9%
Vốn điều lệ	211	211	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	113	150	117	116	127
Giá vốn hàng bán	96.7	125	99.7	95.7	110
Lợi nhuận gộp	15.8	24.5	17.4	19.9	16.3
Doanh thu HĐTC	0.11	0.81	0.37	63.8	0.08
Chi phí TC	3.44	3.88	2.62	2.80	2.49
Chi phí lãi vay	3.36	3.29	2.44	2.73	2.15
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.69	6.16	4.67	5.53	6.32
Chi phí QLDN	9.29	12.3	10.1	10.7	7.35
LN thuần từ HĐKD	-2.46	3.04	0.37	64.7	0.20
Lợi nhuận khác	0.01	0.07	0.00	0.00	0.01
LN trước thuế	-2.45	3.11	0.36	64.7	0.21
Lợi nhuận sau thuế	-2.45	2.54	0.36	64.4	0.21
LNST của CĐ cty mẹ	-2.45	2.54	0.36	64.4	0.21

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24.5	24.7	20.2	27.4	-8.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.2	-6.91	-0.61	29.6	29.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.2	-12.7	-13.8	-10.0	-61.2
Tiền đầu kỳ	41.6	28.2	32.9	39.0	86.4
Lưu chuyển tiền thuần	-12.8	5.11	5.77	47.0	-39.8
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.52	-0.52	0.36	0.42	0
Tiền cuối kỳ	28.2	32.8	39.0	86.4	46.6

(Nguồn: fireant.vn)